TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **110**/2018/DS-ST
Ngày: 23-5-2018
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng mua tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 766/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1973, địa chỉ: 78/4 ấp QB, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Liêu Lệ M, sinh năm: 1967 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1966; cùng địa chỉ: 143/2 ấp QA, xã Q, huyện Phú, tỉnh Bến Tre. Bà M vắng mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1979, địa chỉ: 78/4 ấp QB, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh T ủy quyền cho chị Lê Thị P tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền đề ngày 14/12/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 -10-2017, trong quá trình tố tụng và tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị P đồng thời là người được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T ủy quyền trình bày:

Vào khoảng tháng 8 năm 2014 âm lịch chị có bán cho bà M 4.100 kg lúa, tính thành tiền là 34.030.000 đồng, khi mua bán thì không lập văn bản hay giấy tờ gì vì trước đó chị và bà M đã nhiều lần mua bán với nhau bằng cách thức này. Bà M đã nhận đủ số lượng lúa và hứa hẹn 05 ngày sau sẽ trả tiền. Tuy nhiên sau đó bà M không trả được tiền cho chị mặc dù chị đã nhiều lần yêu cầu. Bà M đã yêu cầu chị vay 34.000.000 đồng và bà M có nghĩa vụ đóng tiền lãi để bù đắp vào số tiền bà M nợ chị. Bà M đóng lãi đến khoảng tháng 01 năm 2016 thì đưa cho tôi 34.000.000 đồng để chị trả tiền vay. Đồng thời cũng vào khoảng thời gian này bà M đã trả cho

chị 15.000.000 đồng. Và chị có mua của bà M 01 bao gạo với giá là 1.030.000 đồng; vì vậy khấu trừ hai khoản tiền này vào số tiền gốc mà bà M nợ chị thì bà M chỉ còn nợ chi 18.000.000 đồng.

Do bà M vẫn không trả tiền cho chị nên vào tháng 11/2016 chị có yêu cầu UBND xã Quới Điền giải quyết, qua quá trình hòa giải bà M thừa nhận hiện còn nợ chị số tiền 18.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tất nợ, thực hiện trả lần đầu vào tháng 11/2016. Tuy nhiên sau đó bà M đã không thực hiện đúng cam kết nên chị thực hiện việc khởi kiện.

Do việc bà M mua bán lúa nhằm phục vụ cho kinh tế chung của gia đình nên nay chị yêu cầu bà M và ông H, là chồng của bà M phải có nghĩa vụ liện đới trả cho chị số tiền mua bán lúa còn nợ là 18.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình hòa giải bà M có trình bày đã đóng tiền lãi cho chị là 47.600.000 đồng và trả tiền gốc là 15.000.000 đồng, chị không đồng ý lời trình bày này của bà M. Bởi lẽ chính bà M yêu cầu chị hỏi vay tiền để bà M bù đắp vào số tiền mua lúa mà bà M nợ chị. Bà M cũng tự nguyện đưa tiền lãi để chị đóng lãi hàng tháng cho người vay tiền, chứ chị không nhận bất kỳ khoản tiền lãi nào cho chị. Chị thừa nhận có nhận 15.000.000 đồng của bà M, đây là khoản tiền mà bà M trả vào số tiền đã mua lúa của chị, chứ không phải trả cho số tiền chị đã vay theo yêu cầu của bà M.Việc vay tiền để tạm trả cho số tiền mua lúa mà bà M nợ chị đã được chị và bà M thỏa thuận giải quyết xong. Do bà M đã thừa nhận còn nợ chị 18.000.000 đồng tiền mua bán lúa trong quá trình hòa giải tại UBND xã Quới Điền nên nay bà M trình bày và nếu có yêu cầu về số tiền lãi đã đóng thì chị không đồng ý.

Số tiền mà bà M nợ chị là thu nhập của chị và anh T nay anh T ủy quyền cho chị toàn quyền quyết định về nội dung khởi kiện đối với bà M và ông H.

Theo bản khai đề ngày 07-12-2017 và quá trình tố tụng bị đơn Liêu Lệ M trình bày:

Bà thừa nhận có mua của chị M 4.100 kg lúa với tổng số tiền 34.030.000 đồng do có khăn về kinh tế nên đến nay bà chưa thanh toán đầy đủ cho chị P. Việc mua bán diễn ra vào năm 2013, bà có hứa hẹn vài ngày sau đó sẽ trả tiền cho chị P nhưng không trả được vì không xoay sở được tiền. Vì vậy bà có đề nghị chị P vay tiền của người khác để trả tạm cho chị P và bà là người đưa tiền hàng tháng để chị P đóng lãi. Bà đã đóng lãi từ tháng 08/2013 âm lịch đến tháng 12/2015 âm lịch được 28 tháng mỗi tháng là 1.700.000 đồng, tổng cộng 47.6000 đồng. Đến tháng 01/2016 bà có đưa thêm cho chị P 15.000.000 đồng nên tổng cộng vốn và lãi bà đã trả cho chị P là 62.600.000 đồng. Vì vậy nay chị P yêu cầu trả thêm 18.000.000 đồng bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả thêm 4.000.000 đồng. Bà thừa nhận chị P có mua của bà 01 bao gạo trị giá 600.000 đồng.

Đối với việc bà thừa nhận còn nợ chị P 18.000.000 đồng trong quá trình hòa giải tại UBND xã Quới Điền là do bà nghĩ bà sẽ có khả năng trả được tiền cho chị P từ nguồn lãi của việc chăn nuôi heo. Nhưng sau đó do bà nuôi heo bị thua lỗ nên bà không có khả năng trả tiền cho chị P. Do chị P yêu cầu bà trả thêm cho chị 18.000.000 đồng nên bà mới trình bày về việc bà đã đóng lãi và trả vốn với tổng số tiền 62.600.000 đồng, chứ bà không có yêu cầu gì khác.

Quá trình mua bán lúa giữa bà và chị P thì ông H là chồng của bà không có

tham gia, không liên quan đến việc mua bán này nên bà không đồng ý việc chị P yêu cầu nghĩa vụ liên đới của ông H cùng bà trả nợ cho chị P.

Theo nội dung Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/5/2018 bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Việc mua bán lúa giữa chị P và bà M diễn ra ra đã nhiều năm. Ông không trực tiếp tham gia mua bán với chị P. Ông chỉ có phụ vác lúa, bưng gạovới bà M; tiền thu nhập từ việc mua bán lúa gạo bà M dùng vào việc lo cho các con ăn học và trang trải trong gia đình. Do xác định không liên quan gì đến việc mua bán giữa chị P và bà M nên ông xin được vắng mặt trong tất cả các lần tòa án xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị P yêu cầu bị đơn Liêu Lệ M và Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả tiền từ việc mua bán lúa nên đây là tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Liêu Lệ M và Nguyễn Văn H cùng cư trú tại ấp Quí Đức A, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: các đương sự thống nhất hợp đồng mua bán tài sản giữa hai bên đã được giao kết và thực hiện xong vào năm 2014 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Qua quá trình giải quyết vụ án và tại tòa có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Lê Thị P có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn Liêu Lệ M, hợp đồng mua bán tài sản được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Khi thực hiện hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn Lê Thị P với bị đơn Liêu Lệ M có thỏa thuận thời hạn trả tiền nhưng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả đủ tiền như thỏa thuận dẫn đến vi phạm hợp đồng. Tại tòa, chị P và bà M đều thống xác định số tiền mà bà M phải trả cho chị P khi kết thúc việc mua bán lúa là 34.030.000 đồng. Chị P cho rằng bà M đã trả được 15.000.000 đồng và khấu trừ 1.030.000 từ việc chị mua 01 bao gạo của bà M thì thì còn phải trả thêm 18.000.000 đồng. Chị P còn có yêu cầu ông Nguyễn Văn H là chồng bà M phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà M trả cho chị số tiền 18.000.000 đồng.

Còn bà M thì cho rằng số tiền 62.600.000 đồng là bà đã đóng lãi và trả tiền gốc vào số tiền mà chị P đã vay theo yêu cầu của của bà M để bù đắp cho khoản tiền 34.030.000 đồng mà bà M chậm thanh toán cho chị P nên nay không đồng ý trả thêm 18.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả thêm 4.000.000 đồng. Tuy nhiên lời trình bày này của bà M không được chị P thừa nhận và bà M cũng không cung cấp được chứng cứ chứng M cho việc đã trả tiền gốc và đóng lãi cho chị P với số tiền

62.600.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, xét chứng cứ do chị P giao nộp là Biên bản hòa giải ngày 11/02/2016 của UBND xã Quới Điền lập thì chính bà M đã thừa nhận còn nợ chị P 18.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng và trong quá trình hòa giải tại tòa bà M cũng thừa nhận việc này nhưng vì làm ăn kinh tế thua lỗ nên bà không thực hiện đúng cam kết với chị P do đó yêu cầu của chị P buộc bà M có nghĩa vụ phải trả số tiền 18.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét việc mua bán lúa giữa chị M và bà P thấy rằng mặc dù bà M xác định chồng bà là ông Nguyễn Văn H không liên quan, ông H trình bày không trực tiếp tham gia việc mua bán với chị P nhưng ông H xác định thu nhập từ việc mua bán lúa gạo thì bà M lo cho các con ăn học và trang trải trong gia đình nên có đủ căn cứ giao dịch dân sự giữa chị P và bà M đều nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 428 Bộ luật dân sự 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, buộc bà M và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị P số tiền 18.000.000 đồng.

[7] Do yêu cầu của chị P được chấp nhận nên bà M và ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P. Buộc bà Liêu Lệ M và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 18.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Liêu Lệ M và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới chịu 900.000 đồng.

Chị Lê Thị P được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng theo Biên lai thu số 0012096 ngày 11 tháng 10 năm 2017.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Cao Thanh Minh